

Người có thâm quyền thăng quân hàm đối với sĩ quan ở cấp bậc nào, thì có quyền kéo dài hạn tuổi phục vụ tại ngũ đối với sĩ quan ở cấp bậc đó.»

6. Điều 39 về chế độ tiền lương và phụ cấp của sĩ quan, được sửa đổi, bổ sung như sau:

« Điều 39.

Sĩ quan tại ngũ được hưởng chế độ tiền lương và phụ cấp do Hội đồng Bộ trưởng quy định.

Bảng lương của sĩ quan căn cứ vào cấp bậc quân hàm và chức vụ được quy định phù hợp với tính chất nhiệm vụ của quân đội.

Phụ cấp thâm niên được tính theo thời gian sĩ quan phục vụ tại ngũ; sĩ quan làm nhiệm vụ có tính chất đặc thù còn được hưởng các khoản phụ cấp khác».

Luật này đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa VIII, kỳ họp thứ 8, thông qua ngày 21 tháng 12 năm 1990.

Chủ tịch Quốc hội
LÊ QUANG ĐẠO

LỆNH của Chủ tịch Hội đồng Nhà nước số 46-LCT/HĐNN8 ngày 2-1-1991 công bố Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật nghĩa vụ quân sự.

**HỘI ĐỒNG NHÀ NƯỚC
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA
VIỆT NAM**

Căn cứ vào Điều 100 của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Điều 34 của Luật Tổ chức Quốc hội và Hội đồng Nhà nước,

NAY CÔNG BỐ:

Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật nghĩa vụ quân sự đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 21 tháng 12 năm 1990.

T.M. Hội đồng Nhà nước
nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
Chủ tịch
VÕ CHÍ CÔNG

LUẬT sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật nghĩa vụ quân sự

Căn cứ vào Điều 83 của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Luật này sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật nghĩa vụ quân sự được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 30 tháng 12 năm 1981.

Điều 1. – Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật nghĩa vụ quân sự như sau:

1. Điều 14 về thời hạn phục vụ tại ngũ của hạ sĩ quan và binh sĩ, được sửa đổi, bổ sung như sau:

« Điều 14.

Thời hạn phục vụ tại ngũ trong thời bình của hạ sĩ quan và binh sĩ là hai năm.

Thời hạn phục vụ tại ngũ trong thời bình của hạ sĩ quan chỉ huy, hạ sĩ quan và binh sĩ chuyên môn kỹ thuật do Quân đội đào tạo, hạ sĩ quan và binh sĩ trên tàu hải quân là ba năm».

2. Đoạn 4 Điều 21 về trách nhiệm của Ủy ban Nhân dân các cấp trong việc gọi công dân nhập ngũ, được sửa đổi, bổ sung như sau:

« Ủy ban Nhân dân các cấp có trách nhiệm chỉ đạo, tổ chức thực hiện việc

tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ trong địa phương mình, bảo đảm công khai, dân chủ và công bằng; đúng thời gian, đủ số lượng, đúng tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật. Các đơn vị nhận quân có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban Nhân dân các cấp thực hiện nhiệm vụ này ».

3. Điều 29 về những người được hoãn gọi nhập ngũ, được sửa đổi, bổ sung như sau :

« Điều 29.

Trong thời bình, những người sau đây được hoãn gọi nhập ngũ :

1. Người chưa đủ sức khỏe phục vụ tại ngũ theo kết luận của Hội đồng khám sức khỏe;

2. Con của liệt sĩ;

3. Anh hoặc em trai còn lại duy nhất của liệt sĩ;

4. Một con trai của thương binh hạng một, hạng hai và bệnh binh hạng một;

5. Người là lao động duy nhất phải trực tiếp nuôi người khác trong gia đình không còn sức lao động hoặc chưa đến tuổi lao động;

6. Người có anh, chị hoặc em ruột trong cùng một hộ gia đình là hạ sĩ quan, binh sĩ đang phục vụ tại ngũ;

7. Giáo viên, nhân viên y tế, thanh niên xung phong đang làm việc ở một số vùng cao xa xôi, hẻo lánh do Hội đồng Bộ trưởng quy định;

8. Người đang nghiên cứu công trình khoa học cấp Nhà nước được Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Nhà nước hoặc người có chức vụ tương đương chứng nhận;

9. Người đang học ở các trường phổ thông; đang học ở các trường dạy nghề, trường trung học chuyên nghiệp, trường cao đẳng, trường đại học thuộc hệ tập trung dài hạn do Nhà nước quản lý.

Hàng năm, những người nói ở các điểm 1, 5, 6, 7, 8 và 9 của Điều này phải được kiểm tra, nếu không còn lý do hoãn thì được gọi nhập ngũ; hết 27 tuổi mà vẫn không được gọi nhập ngũ thì chuyển sang ngạch dự bị.»

4. Điều 32 về việc xuất ngũ của hạ sĩ quan và binh sĩ, được sửa đổi, bổ sung như sau :

« Điều 32.

Hạ sĩ quan và binh sĩ đã phục vụ tại ngũ đủ thời hạn quy định ở Điều 14 của Luật này thì được xuất ngũ. Theo lệnh của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, người chỉ huy đơn vị từ cấp trung đoàn và tương đương trở lên có trách nhiệm thực hiện việc xuất ngũ cho hạ sĩ quan và binh sĩ thuộc quyền.

Thời gian xuất ngũ của hạ sĩ quan và binh sĩ phải được thông báo trước một tháng cho quân nhân, Ủy ban Nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh và đơn vị cơ sở, nơi quân nhân cư trú hoặc làm việc trước khi nhập ngũ. Người chỉ huy của đơn vị cấp trung đoàn và tương đương trở lên có hạ sĩ quan và binh sĩ xuất ngũ phải tổ chức tiễn và đưa họ về bàn giao cho Ủy ban Nhân dân địa phương đã giao quân. Ủy ban Nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh có trách nhiệm tổ chức tiếp nhận hạ sĩ quan và binh sĩ xuất ngũ về địa phương mình.»

5. Điều 38 về hạn tuổi phục vụ của hạ sĩ quan và binh sĩ ở ngạch dự bị, được sửa đổi như sau :

« Điều 38.

Hạn tuổi phục vụ của hạ sĩ quan và binh sĩ ở ngạch dự bị được quy định như sau :

Nam giới, đến hết 45 tuổi;

Nữ giới, đến hết 40 tuổi;

6. Điều 39 về chia nhóm quân nhân dự bị nam giới, được sửa đổi như sau :

« Điều 39.

Căn cứ vào lứa tuổi, hạ sĩ quan và binh sĩ dự bị nam giới ở mỗi hạng được chia thành 2 nhóm:

Nhóm A gồm những người đến hết 35 tuổi;

Nhóm B gồm những người từ 36 tuổi đến hết 45 tuổi. »

7. Bỏ khoản 3 Điều 40 về việc huấn luyện quân nhân dự bị ở nhóm C.

8. Điều 53 về quyền lợi của hạ sĩ quan và binh sĩ tại ngũ, được sửa đổi, bổ sung như sau :

« Điều 53.

Hạ sĩ quan và binh sĩ tại ngũ:

1. Được bảo đảm cung cấp kịp thời, đủ số lượng, đúng chất lượng về lương thực, thực phẩm, quân trang, thuốc phòng bệnh, chữa bệnh, được bảo đảm chỗ ở, phụ cấp hàng tháng và nhu cầu về văn hóa, tinh thần phù hợp với tính chất nhiệm vụ của quân đội theo chế độ, tiêu chuẩn, định lượng do Hội đồng Bộ trưởng quy định;

2. Từ năm thứ 2 trở đi, được nghỉ phép theo quy định của Hội đồng Bộ trưởng;

3. Từ tháng thứ 25 trở đi, được hưởng thêm 100% phụ cấp hàng tháng;

4. Được tính nhân khẩu ở gia đình khi gia đình được cấp hoặc điều chỉnh diện tích nhà ở, đất xây dựng nhà ở và đất canh tác;

5. Được tính thời gian phục vụ tại ngũ vào thời gian công tác;

6. Được ưu tiên mua vé khi đi lại bằng các phương tiện giao thông thuộc các thành phần kinh tế;

7. Được ưu đãi về bưu phí theo quy định của Hội đồng Bộ trưởng. »

9. Điều 54 về quyền lợi của gia đình quân nhân tại ngũ, được sửa đổi, bổ sung như sau :

« Điều 54.

Quyền lợi của gia đình hạ sĩ quan và binh sĩ tại ngũ được quy định như sau:

1. Bố hoặc vợ được tạm miễn tham gia lao động công ích trong những trường hợp gia đình thực sự có khó khăn và được Ủy ban Nhân dân xã, phường, thị trấn chứng nhận;

2. Bố, mẹ, vợ và con được hưởng chế độ trợ cấp khó khăn đột xuất theo chính sách chung của Nhà nước; được miễn viện phí khi khám bệnh và chữa bệnh tại các bệnh viện của Nhà nước;

3. Con gửi ở nhà trẻ, học tại các trường mẫu giáo, trường phổ thông của Nhà nước được miễn học phí và tiền đóng góp xây dựng trường. »

10. Điều 55 về chế độ đối với hạ sĩ quan và binh sĩ xuất ngũ, được sửa đổi, bổ sung như sau :

« Điều 55.

Hạ sĩ quan và binh sĩ khi xuất ngũ được cấp tiền tàu xe, phụ cấp di đường và trợ cấp xuất ngũ do Hội đồng Bộ trưởng quy định.

Hạ sĩ quan và binh sĩ kể từ ngày có quyết định xuất ngũ được tạm miễn làm nghĩa vụ lao động công ích; cứ mỗi năm phục vụ tại ngũ thì được miễn thời gian nghĩa vụ lao động công ích của một năm.

Thời gian hạ sĩ quan, binh sĩ dự bị tập trung huấn luyện và kiểm tra sẵn sàng chiến đấu được trừ vào thời gian nghĩa vụ lao động công ích hàng năm. »

Điều 2. — Các điều 69, 70, 71 về việc xử lý các vi phạm được thay bằng Điều 69 mới như sau:

« Điều 69.

1. Người nào vi phạm các quy định về đăng ký nghĩa vụ quân sự, tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ, gọi quân

nhận dự bị tập trung huấn luyện; lợi dụng chức vụ, quyền hạn làm trái hoặc cản trở việc thực hiện các quy định trên đây hoặc vi phạm các quy định khác của Luật này, thì tùy theo mức độ nhẹ hoặc nặng mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

2. Quân nhân nào vi phạm các quy định về việc tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ, về việc xuất ngũ của hạ sĩ quan, binh sĩ, về chế độ, quyền lợi của quân nhân hoặc vi phạm các quy định khác của Luật này, thì tùy theo mức độ nhẹ hoặc nặng mà bị xử lý theo Điều lệnh kỷ luật của quân đội hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

Luật này đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa VIII, kỳ họp thứ 8, thông qua ngày 21 tháng 12 năm 1990.

Chủ tịch Quốc hội
LÊ QUANG ĐẠO

HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG

NGHỊ ĐỊNH của Hội đồng Bộ trưởng số 447 - HĐBT ngày 31-12-1990 về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Bộ Văn hóa - Thông tin - Thể thao và Du lịch.

HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng Bộ trưởng ngày 4 tháng 7 năm 1981;

Căn cứ Quyết định số 244-NQ/HĐNN2 ngày 31-3-1990 của Hội đồng Nhà nước về việc thành lập mới, đổi tên và giải thể một số Bộ, Tổng cục;

Căn cứ Nghị định số 196-HĐBT ngày 11-12-1989 của Hội đồng Bộ trưởng quy định nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm quản lý Nhà nước của các Bộ;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin - Thể thao và Du lịch,

NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1. - Bộ Văn hóa - Thông tin - Thể thao và Du lịch là cơ quan của Hội đồng Bộ trưởng, có chức năng:

- Quản lý Nhà nước đối với các ngành văn hóa - thông tin, phát thanh, truyền hình, báo chí xuất bản, thể dục thể thao và du lịch trong cả nước.

- Trực tiếp tổ chức chỉ đạo một số hoạt động sự nghiệp văn hóa, thông tin, xuất bản, triển lãm và thể dục thể thao.

Điều 2. - Bộ Văn hóa - Thông tin - Thể thao và Du lịch có nhiệm vụ và quyền hạn:

1. Trình Quốc hội, Hội đồng Nhà nước, Hội đồng Bộ trưởng các Dự án Luật, văn bản dưới Luật, các chính sách về các lĩnh vực văn hóa, thông tin, báo chí, phát thanh - truyền hình, xuất bản, in, phát hành, thể dục thể thao và du lịch. Ban hành các văn bản pháp quy theo quyền hạn về quản lý Nhà nước các lĩnh vực được giao.

2. Trình Hội đồng Bộ trưởng quyết định phương hướng, quy hoạch, kế hoạch dài hạn, ngắn hạn, mục tiêu, phát triển sự nghiệp văn hóa, thông tin, báo chí, phát thanh - truyền hình, xuất bản, in, phát hành, thể dục thể thao và du lịch trên phạm vi cả nước; hướng dẫn các ngành, các địa phương tổ chức thực hiện.

3. Chỉ đạo công tác nghiên cứu khoa học, nghiên cứu lý luận. Tổ chức sưu tầm khai thác giữ gìn và phổ biến những giá trị văn hóa nghệ thuật, thể